

Phần hai

Tiến trình hình thành Kinh Lạy Cha

Trong phần một, vấn đề liên quan đến câu hỏi tại sao có Kinh Lạy Cha đã được đặt ra. Phần hai, sẽ tìm phân tích cấu trúc văn chương và những yếu tố kết thành Kinh Lạy Cha trong hình thức hiện tại.

Bảng Nhất Lãm theo Máthêu và Luca cho thấy văn bản ngắn Luca hoàn toàn nằm trong văn bản dài Máthêu. Phân phân tích kế tiếp sẽ theo văn bản Máthêu nhưng không quên so sánh với Luca mỗi khi có câu song song. Mục đích phần này giúp thấy công tác biên soạn như thêm thắt, sửa đổi từ ngữ, câu văn phù hợp với độc giả hay tác giả giữ đúng theo truyền thống lời Đức Giêsu.

Chương ba

Phân tích văn chương

1) Máthêu 6,9a = Lu ca 11,2a : “*Lạy Cha chúng con ngự trên trời*”

Lời kinh khẩn cầu lên Thiên Chúa Cha theo văn bản Máthêu dài hơn văn bản Luca. Ai thêm, ai bớt và ai giữ đúng nguyên bản ?

1.a Lu ca 11, 2a : *Lạy Cha “Abba”*.

Trong bản gốc, không có từ “*Lạy*”, nhưng được thêm vào bản dịch tiếng Việt để tỏ lòng tôn kính đối với Thiên Chúa.

Một vài nhà chú giải nghĩ rằng Chúa Kitô đã dạy môn đệ xưng Thiên Chúa là Cha và họ khẳng định Đức Giêsu dùng từ “*abba*” bằng tiếng Aramê kêu lên Thiên Chúa. Trong ngôn ngữ Aramê cũng như Hípri, thứ vị tính từ sở hữu (adjectif possessif) được giữ nguyên bằng một tiếp tố (suffixe) thêm vào danh từ như “*Cha = abba*”, “*cha tôi = abi*”, “*cha chúng ta = abinù*” v.v... Trong đời sống thường nhật, các trẻ nhỏ Do thái vẫn hay dùng dạng sở hữu (formes possessives) với tiếp tố để thừa cùng những người cha phạm tục của chúng, hay để chỉ định, và chất vấn bất cứ ai giữa những người cha trần thế đó, trừ người cha ruột. Bởi vậy, nó gọi dễ dàng “*cha anh*”, “*cha các anh*”, “*cha chúng nó*”, nhưng không bao giờ dùng dạng sở hữu “*abi = cha tôi*” gọi cha mình mà lại kêu bằng “*abba*” diễn tả sự thân mật¹. Khi nói đến mối tương quan thánh đối với Giavê Thiên Chúa, cách xưng hô thân mật thấy không ôn. Theo quan niệm đạo đức Do thái, Thiên Chúa là Đấng Toàn Năng và không một người cha nào dưới trần thế có thể so sánh với Người. Mỗi một khi người Do thái muốn gọi Thiên Chúa là Cha chúng con, họ dùng dạng sở hữu với tiếp tố “*abi*” và từ “*abba*” dành riêng cho người cha ruột. Đức Giêsu bãi bỏ sự phân biệt đó và dùng từ “*abba*” khẩn cầu Thiên Chúa là Cha. Người dạy các môn đệ cũng hãy làm như vậy. Cho nên dùng từ “*abba*” mang dấu chỉ thân mật nhưng cũng có sắc thái một sự tôn trọng như người con thừa cùng cha; một người trưởng thành thừa cùng vị bô lão hay một môn đệ thừa cùng thầy của mình.

Để rõ ràng hơn, vài chứng từ Tin mừng cũng ghi một số cộng đoàn Kitô hữu tiên khởi, lúc cầu nguyện thường gọi Thiên Chúa bằng từ “*abba*”. Trong thư gửi tín hữu Galát, khi nói về quyền nghĩa tử, thánh Phaolô viết : “*Nhưng khi thời viên mãn đến, Thiên Chúa đã sai Con của Người, sinh bởi người nữ, sinh dưới quyền Lễ Luật, để cứu chuộc những kẻ ở dưới quyền lễ luật, ngõ hầu ta được chịu lấy quyền nghĩa tử. Mà bởi vì anh em là con cái, thì Thiên Chúa đã sai Thần Khí con của Người vào lòng anh em, kêu lên : Abba, lạy Cha*” (Galát 5,5-6). Trong một thư khác gửi giáo đoàn Rôma, khi nói nhờ Thần Khí, chúng ta được làm nghĩa tử, thánh Phaolô viết : “*vì chúng phạm ai được Thần Khí Thiên Chúa dân đưa, thì họ sẽ là con cái Thiên Chúa. Quả thế, không phải thứ Thần Khí của hàng nô lệ là điều anh em đã chịu lấy, để mà phải sợ hãi. Nhưng anh em đã chịu lấy Thần Khí của hàng nghĩa*

¹ P. Bonnard, L’Evangile selon Saint Matthieu, Neuchâtel, 1963, trang 83.

tử; nhờ đó ta kêu lên : *Abba, lạy Cha*” (Do thái 8,14-15). Hai chứng từ trên có thể là ký ức nhớ lại dạng nguyên thủy lời khẩn cầu như Kinh Lạy Cha với từ “*abba*”. Vì thế, nhận thấy câu văn Luca rất có thể giữ đúng nguyên văn lời Đức Giêsu.

Tuy nhiên gặp phải vài khó khăn. Vì lời khẩn cầu “*abba*” (Lạy Cha) lên Thiên Chúa là một đổi mới, nhưng chỉ một mình Đức Giêsu mới có thể cầu nguyện như vậy thôi. Khi phân tích những đoạn văn tỏ lộ Đức Giêsu dùng từ “*abba*” thấy người dùng rất dè dặt, và có sự phân biệt rõ ràng giữa những lời phát biểu liên quan đến cương vị riêng của Người đối với Cha mình, và những lời phát biểu liên quan đến cương vị của các môn đệ. Bởi vậy, Đức Giêsu gọi : “*cha ta*”, “*cha các anh*”, nhưng không bao giờ nói “*cha chúng ta*” như thể tương quan giữa Người với Thiên Chúa Cha giống như tương quan Thiên Chúa là Cha đối với môn đệ : “*Ta lên cùng Cha Ta và cũng là Thiên Chúa của các ngươi, Thiên Chúa của Ta và cũng là Thiên Chúa của các ngươi*” (Gioan 20,17). Trong ngôn từ, Thiên Chúa được trình bày như Cha Đức Giêsu Kitô và là Cha các môn đệ; nhưng hai loại quan hệ cha con nơi đây vẫn được phân biệt rõ ràng bằng thể thức “*Cha Ta và Cha các ngươi*”. Một lối phân biệt dụng ý tránh làm lẫn là “*cha chúng ta*”. Mỗi liên hệ giữa các môn đệ không thể nào đồng nhất hóa với mối liên hệ giữa Thiên Chúa Cha và Đức Giêsu. Cha Carmignac khẳng định : “*không bao giờ Đức Giêsu dùng một thể thức có thể gây lẫn lộn giữa mối quan hệ của Người với Đấng Thân Linh, với mối quan hệ nghĩa tử của các môn đệ*”². Rất có thể cùng ý tưởng nên trong Tin mừng thứ tư, Thánh Gioan có hai từ phân biệt rõ rệt. Tác giả dùng từ “*huios = con = fils*” dành cho Chúa Kitô và “*teknon = con = enfant*” dành cho các môn đệ. Nếu như Chúa Kitô phân biệt “*Cha Ta*” với “*cha các anh*”, và Người không bao giờ muốn trộn lẫn hai thể thức trở thành “*cha chúng ta*”, thì vấn đề Người dạy môn đệ khẩn cầu Thiên Chúa như Cha chúng ta khó giải thích những dè dặt do chính Người nêu lên.

Thêm một lý do khác bác bỏ ý Luca giữ đúng lời Đức Giêsu. Trong bốn cuốn Tin mừng, những ngôn từ Đức Giêsu dùng từ “*Cha*” chỉ định và khẩn cầu Thiên Chúa có thể phân biệt dễ dàng qua năm lớp truyền thống như những nguồn gốc chính :

- Thiên Chúa được chỉ định như Cha : Máccô 3 lần; Luca riêng 4 lần; Máttêu riêng 31 lần; Gioan 100 lần; Q 4 lần³.

- Thiên Chúa được khẩn cầu như Cha (nhất là trong các kinh nguyện) : Máccô 1 lần; Q 3 lần; Luca riêng 2 lần; Máttêu riêng 1 lần; Gioan riêng 9 lần⁴.

Trong bảng thứ hai, khoa phân tích tìm hiểu bản văn đồng ý nhìn nhận câu văn Máccô 14,36, là văn bản giữ đúng lời nguyên thủy Đức Giêsu nói : “*Abba, lạy Cha, Cha có thể làm mọi sự, xin cất chén này đi khỏi con; nhưng không phải: con muốn gì, mà là Cha muốn gì*”. Người diễn đạt lời nguyện cầu bằng từ Aramê “*abba*”, chứ nếu Người nói tiếng Hípri phải gọi “*abi*” (cha tôi). Câu văn Máccô 14,36 tương ứng với câu duy nhất theo Máttêu 26,39-42 và câu song song Luca 22,42 liên quan đến đoạn trong vườn Ghết-sêmani, chứ không phải ở lời Đức Giêsu cầu nguyện hay Kinh Lạy Cha. Luca có thêm hai lời dẫn riêng cùng thể loại khẩn cầu, không có trong Kinh Lạy Cha nhưng nơi giây phút cuối trên thập giá : “*bấy giờ Đức Giêsu nói: Lạy Cha, xin tha thứ cho chúng, vì chúng không biết việc chúng làm*” (23,34)...”*Kêu lớn tiếng, Đức Giêsu nói : Lạy Cha, con ký thác hồn con trong tay Cha. Nói đoạn, Người tắt thở*” (23,46). Với những chứng từ cụ thể đó phải nhìn nhận lời khẩn cầu giản dị theo Luca được giữ đúng truyền thống hơn, hợp với lời Đức Giêsu dùng nguyên thủy. Dầu sao, cũng không thể xác nhận chắc chắn Người chỉ dùng từ “*abba*” dạy Kinh Lạy Cha cho môn đệ.

1.b “*chúng con*”.

Suốt từ chương 5 đến chương 7, Máttêu luôn luôn sử dụng những từ ngữ như : “*cha của anh em*” (5,16.45.48; 6,1.8.14-15.26.32; 7,11); “*cha của anh*” (6,4.6.18); “*cha chúng tôi*” (6, 9); “*cha Ta*” (7,21); trừ ra ba lần “*cha các ngươi*” (Máttêu 5,48 = Luca 6,36; Máttêu 6,14 = Máccô 11,25; Máttêu 6,32 = Luca 12,30), còn lại mọi dạng sở hữu khác như “*của anh em*”, “*của anh*”, “*của chúng tôi*”... đều là những từ được tác giả Máttêu cố ý thêm vào hoặc sửa đổi theo mục đích riêng; cho nên

² Jean Carmignac, Recherches sur le Notre Père, Paris 1969, trang 64.

³ Joachim Jérémias, Abba, Jésus et son Père, Paris 1972, trang 30 và trang 123 bị chú 2 đến 5.

⁴ Joachim Jérémias, Abba, Jésus et son Père, sách đã dẫn, trang 130 bị chú 1 5.

từ sở hữu “*chúng tôi*” ở câu Kinh Lạy Cha 9b cũng do tác giả thêm vào đánh dấu mối thâm giao của toàn thể cộng đoàn đối với người Cha trên trời.

1.c Mátthêu 6,9a : “*ngự trên trời*”.

Khi cầu nguyện cùng Chúa Cha, Đức Giêsu không dùng từ : “*ngự trên trời*” nhưng có dùng trong hoàn cảnh khác. Trong Tin Mừng Máccô, có một lần ở Giêrusalem Đức Giêsu cảm thấy đói và thấy có cây vả tốt lá nhưng không có trái, Người liền chúc dữ : “*cho đến đời đời, không ai ăn quả của mày nữa...*”. Sang hôm sau thấy cây vả chết, Phêrô nhớ lời thầy và nhắc lại lời chúc dữ, thì Đức Giêsu lợi dụng câu Phêrô nhắc nhở nói cho họ lòng tin vào Thiên Chúa và việc cầu nguyện : “*khi đứng cầu nguyện, các ngươi hãy tha thứ, giả như các ngươi có gì bất bình với ai, ngõ hầu cha các ngươi, Đấng ngự trên trời, cũng tha thứ cho các ngươi, những điều các ngươi sai lỗi!*” (Máccô 11,25). Theo Tin mừng Luca trong cùng một hoàn cảnh với Kinh Lạy Cha, Đức Giêsu nói về sự hiệu nghiệm lời xin như sau : “*Vậy, nếu các ngươi, tuy là ác, còn biết lấy của lành làm quà cho con, thì huống hồ là Cha các ngươi, tự trời, Người sẽ ban Thánh Thần cho những ai xin Người*” (Luca 11,13). Đức Giêsu chỉ dùng từ “*ngự trên trời*” có hai lần trong Tin mừng Máccô và Luca như ghi theo trên. Vì Máccô không quen dùng từ này nên chứng nhận tác giả lệ thuộc vào một tuyển tập ghi lại lời Đức Giêsu. Trong Tin mừng Mátthêu, tác giả dùng hết thầy 20 lần ⁵. Còn các sách Tân ước khác cũng không dùng từ “*ngự trên trời*” nhưng lấy lại những từ như “*Cha ta, Đấng ngự trên trời*” (Mátthêu 15,13) hoặc “*Cha các ngươi, tự trời*” (Luca 11,13).

Từ ngữ “*ngự trên trời*” diễn tả hình ảnh Đấng cao cả và siêu việt; một số lời dẫn Kinh Thánh cũng như văn bản các Rabbi (= *thầy; tôn sư hay đạo sư*) dùng từ “*ngự trên trời*” thay thế từ “*Giavê*”. Thề thức giúp tránh phải đọc danh Thánh Thiên Chúa và phân biệt rõ người cha trên trần thế với Cha ngự trên trời.

Do thế, lời khấn cầu do Mátthêu viết, được thừa hưởng truyền thống phụng vụ Sêmit. Sách Didachê có giữ lại từ đó nhưng ở số ít “*Lạy Cha Đấng ngự trên trời*” (8,2). Từ Sêmit “*ngự trên trời*” diễn tả cảm thức tôn giáo của người Do thái mà Đức Giêsu đã nghe và lấy dùng, như Mátthêu ghi : “*phàm ai làm theo ý Cha Ta, Đấng ngự trên trời, thì kẻ ấy anh em và là Mẹ Ta*” (Mátthêu 12,50). Khi lên án nhóm Phariseu giả hình và hư danh, Đức Giêsu ra lệnh : “*Và các ngươi đừng xưng hô ai dưới đất là Cha của các ngươi, vì Cha của các ngươi chỉ có một, Cha ở trên trời*” (Mátthêu 23,9). Đức Giêsu đã lấy những từ Do thái cổ quen dùng để dạy các môn đệ cầu nguyện, và dù muốn cho kinh nguyện có một tinh thần, Người không cần phải thay đổi những thề thức cổ vì tinh thần nguyện cầu không bắt buộc ở những thề thức ta dùng ⁶.

Phải chăng câu hỏi liên quan đến lời khấn cầu dâng lên Chúa Cha là Luca bỏ từ “*ngự trên trời*” hay Mátthêu đã thêm vô ?

Bản Luca vẫn thường được xem là sát với lời Đức Giêsu. Vì tác giả ít dùng từ ngữ “*Lạy Cha, Đấng ngự trên trời*”, nhưng ông có ám chỉ đến “*Con Đấng Tối Cao*” (Luca 6,35) và giữ thề thức “*Cha các ngươi, tự trời*” (Luca 11,13). Do đó, kiện chứng giải nghĩa Luca có biết từ ngữ Sêmit này. Hơn nữa, cộng đoàn Luca gồm gốc dân ngoại mang văn hóa Hy Lạp và tâm thức hoàn toàn khác với não trạng người Do thái. Sứ mệnh rao giảng Tin mừng đòi hỏi Luca phải khéo xử sự, làm sao cho thích hợp với người nghe hầu họ dễ hiểu, vì sứ điệp chứa đựng những thành ngữ Sêmit. Riêng đối với những Kitô hữu gốc Do thái, câu “*Lạy Cha chúng con, Đấng ngự trên trời*” không đặt vấn đề. Nhưng khi viết cho những người mang văn hóa khác, Luca bỏ từ Sêmit “*ngự trên trời*”, và ông chỉ giữ tinh thần Đức Giêsu muốn dạy họ ý thức và tin Thiên Chúa là Cha mọi người. Nếu Luca có thêm từ “*ngự trên trời*” cũng không mang điều gì xúc tích hơn.

Mátthêu dùng từ để chỉ định Thiên Chúa nhiều lần nhất. Cộng đoàn Mátthêu thuộc gốc Do thái nên đã thuần những từ “*Cha, tự trời*” hay “*Cha ngự trên trời*”. Người Do thái rất tôn trọng truyền thống cầu nguyện hay những công thức phụng vụ và thời Đức Giêsu, họ quen dùng từ ngữ khai triển

⁵ W. Marchel, Abba, Père, sách đã dẫn, trang 200 ; và Joachim Jérémias, Abba, sách đã dẫn, trang 31 và trang 124. Dưới dạng « Cha Ta, Đấng ngự trên trời » : Mátthêu 7,21 ; 10,32-33 ; 12,50 ; 15,13 ; 16,17 ; 18,10.19.35. Mười lần với từ : « Cha các ngươi, Đấng ngự trên trời » : Mátthêu 5,16.45.48 ; 6,1.14.26.32 ; 7,11 ; 18,14. Và một lần với thề thức « Đấng ngự trên trời » Mátthêu 6,9.

⁶ W. Marchel, Abba, sách đã dẫn, trang 200.

lời cầu lên Thiên Chúa. Câu văn theo Mátthêu mang ý nghĩa Đức Giêsu chủ hướng chấp nhận tục lệ cổ truyền của thánh giá, vì thế lời cầu theo Mátthêu giữ đúng những điều Đức Giêsu đã nói. Lời cầu xin thật thích hợp với môn đệ cũng như thánh giá. Bởi vậy, Mátthêu phải giữ lại tôn giáo cổ truyền.

Tác giả Máccô cũng biết đến từ ngữ “*Cha các người, Đấng ngự trên trời*” (Máccô 11,25). Đoạn trên đã nói trong hoàn cảnh nào Đức Giêsu dùng từ đó. Hai ý về cầu nguyện và tha thứ trong đoạn văn rất hợp với ý Kinh Lạy Cha theo Mátthêu 6,9-15. Nếu như Máccô không thường dùng từ “*Cha, Đấng ngự trên trời*” nhưng lại dùng trong một lời dựa vào Kinh Lạy Cha, giúp suy ra tác giả hẳn phải biết Kinh Lạy Cha chứa đựng từ ngữ này. Luận chứng càng vững vàng vì Máccô cụ thể hơn Mátthêu ⁷.

Mátthêu 6, 14

vì các người tha thứ
cho người ta những điều họ sai lỗi,
thì Cha các người,
ở trên trời
cũng sẽ tha thứ cho các người

Máccô 11, 25

Và khi đứng cầu nguyện, giả như các
người có gì với ai,
các người hãy tha thứ

ngõ hầu Cha các người,
Đấng ngự trên trời
cũng sẽ tha cho các người những điều
các người sai lỗi

Nếu xét vấn đề với cái nhìn mang chất thơ, câu văn Mátthêu có điệu thơ toàn bản Kinh Lạy Cha; còn từ “*Lạy Cha*” nơi Luca quá ngắn ngủi để kết thành một câu thơ, do đó làm đoạn thơ mất cân đối. Với Mátthêu, đoạn thơ hài hòa, và câu thơ đầu dùng làm nhập đề cho toàn bài thơ. Câu kết lại chấm dứt bằng từ “*trời*” ở số nhiều. Từ xuất hiện lại ở đoạn đầu câu thơ cuối trong cùng đoạn ở số ít (Mátthêu 6,10b) “*như trên trời*”. Phương pháp đối ngẫu chéo (chiasme) thường được áp dụng theo thơ Hípri hay thể văn Kinh Thánh. Hình thức biến ngẫu mang ý tưởng đối đáp giữa hai hay ba vế trong một câu thơ.

Thành ngữ Mátthêu dùng bảo đảm với những chứng từ mang nhiều tính xác thực cho phép nghĩ rằng tác giả không thể nào thêm thắt vào câu văn.

Sau lời khấn cầu lên Thiên Chúa, bản văn Mátthêu mang tất cả bảy lời xin : ba lời cầu liên quan đến Thiên Chúa, bốn lời cầu dâng lên Thiên Chúa cho loài người.

2. Ba lời xin liên quan đến Thiên Chúa

Mátthêu 6,9b-10 = Luca 11,2bc mang cùng lời xin cho Danh thánh và Triều đại Thiên Chúa. Mátthêu thêm một lời xin Ý Thiên Chúa, nhưng lại không có trong Luca.

2.a Mátthêu 6,9b-10 = Luca 11,2bc : “*xin cho danh Cha hiển thánh*”

Lời xin theo Mátthêu và Luca hoàn toàn giống nhau. Sách Didachè 8,2 cũng ghi vậy, có thể coi như một yếu tố của nguồn văn Q. Câu văn có hai từ quan trọng :

Động từ “*hiển thánh*” (*hagiasthèto*) ít thấy trong Tin mừng Nhất Lãm. Tân ước chỉ có 28 lần. Máccô không bao giờ dùng từ dưới dạng động từ. Luca chỉ dùng trong Kinh Lạy Cha (Luca 11,2b). Mátthêu có thêm hai lần khác nơi chương 23,17.19 nhưng mang ý nghĩa hoàn toàn khác với bối cảnh Kinh Lạy Cha. Trong phần hạch tội các kinh sư và người Phariseu : “*Đồ điên dại và mù quáng! Thế thì cái gì lớn hơn, vàng hay là thánh điện làm cho vàng được tác thánh*”... “*Quân mù quáng! Thế thì cái gì lớn hơn, của lễ hay bàn thờ làm cho lễ vật được tác thánh*?”. Tổng cộng Mátthêu và Luca dùng động từ “*thánh*” 4 lần, tác giả Gioan cũng có 4 lần trong chương 17 : Danh Thiên Chúa được thánh hóa giữ vai trò quan trọng trong lời Chúa Giêsu cầu nguyện.

⁷ Jean Carmignac, Recherches sur le Notre Père, sách đã dẫn, trang 75.

Từ “*danh*” (*onoma*) được biết đến cả thấy 231 lần trong Tân ước; nhưng đi đôi với động từ “*hiển thánh*” chỉ thấy ở câu văn trong Kinh Lạy Cha (Mátthêu 6,9b = Luca 11,2b). Trong Luca 1,49, “*onoma*” là một tính từ chỉ thể cách (adjectif qualificatif) : “*Danh Người là thánh*” với những trích dẫn Cựu ước như ngôn sứ Isaia 57,15; Thánh vịnh 111,9 và Samuen 2,2. Ngoài trừ Mátthêu 28,19: “*Thánh tẩy chúng nhân danh Cha...*”, từ “*onoma*” luôn luôn được dành nói về Thiên Chúa với những đoạn trích dẫn Cựu ước như Mátthêu 21,9 = Máccô 11,9 + Luca 19,38 : “*Hosana cho con Đavít ! Muôn chúc lành cho Đấng nhân danh Chúa mà đến*” (Thánh vịnh 118,25-26); cũng như Mátthêu 23,39 = Luca 13,35 v.v... Bởi vậy, nếu muốn giải thích câu văn này, cần quy chiếu Cựu ước và những kinh cổ Do thái giáo ⁸.

2.b Mátthêu 6,10a = Luca 11,2c : “*Xin triều đại Cha mau đến*”

Trong sách lễ Rôma bản dịch ra tiếng Việt khoảng thập niên 1970, còn được đọc cho đến ngày hôm nay về lời xin thứ hai trong Kinh Lạy Cha như sau : « *Nước Cha trị đến* ». Tiếng Hy Lạp chỉ có từ « *Basileia* » diễn tả cả ba ý như : vương quốc, vương triều và triều đại. Vì vậy lời xin đi song song đối với danh Thiên Chúa cùng ý Thiên Chúa hướng nghĩa triều đại thích hợp hơn ; nhất là sau đó có động từ « *đến* » đi kèm theo. Vương quốc Thiên Chúa biểu hiện sự vĩnh cửu không thể nào mang nghĩa đến hay sẽ tăng trưởng, ngược lại triều đại Người có thể bắt đầu và nảy nở vô hạn. Câu văn nên dịch thành « *triều đại* » mới đúng.

Lời xin thứ hai giống như câu đầu đều được Mátthêu, Luca và sách Didachè 8,2 ghi đúng nhau. Theo Tin mừng Luca ở đây, có một vài thủ bản cổ ghi : « *Xin cho triều đại Cha đến trên chúng con* ».

Bộ văn bản D, được gọi là thủ bản Bèze ở khoảng thế kỷ thứ V hoặc thứ VI thêm nơi Tin mừng Luca câu « *xin cho triều đại Cha đến trên chúng con* » ; một số bản dịch truyền thống Công giáo Đức còn giữ câu văn này. Điều nguy hại ở nơi từ « *trên chúng con* », vì một số người có thể giải nghĩa triều đại Thiên Chúa không phải là một biến cố dành cho mọi người.

Câu khác biệt thứ hai được các giáo phụ như Grégoire de Nysse và Maxime de Turin ở khoảng thế kỷ thứ IV hoặc thứ V chứng nhận. Ngoài ra câu trên còn thấy trong một thủ bản bằng tiếng Hy Lạp ở thế kỷ thứ II. Nhiều tác giả nghĩ rằng câu văn được sửa đổi để áp dụng thích hợp vào kinh nguyện trong phụng vụ bí tích Thanh Tẩy. Văn bản thêm vào, đã phá đi hai sắc thái đặc biệt phần đầu của Kinh Lạy Cha : từ « *chúng con* » ở số nhiều nằm ngay giữa ba lời xin đầu có một sắc thái chung chung ; nhưng câu văn chuyển đổi lời cầu thể hiện những lời hứa vào cho cuộc sống Kitô hữu hôm nay. Hai dị bản trên cho thấy các Kitô hữu không ngần ngại thêm thắt đôi chút vào những câu kinh ⁹. Nhờ khoa phê bình văn chương giúp làm sáng tỏ vấn đề hơn.

Xin Thánh Thần ? ¹⁰. Một vài trình thuật theo truyền thống cổ lấy lại Kinh Lạy Cha chỉ là những văn bản sắp đặt cho câu văn của Luca hợp với Mátthêu. Bởi vậy, thay vì xin về triều đại Thiên Chúa, Luca 11,2c có thêm câu : « *Xin Cha cho Thánh Thần Cha đến trong chúng con và thanh tẩy chúng con* ».

Khi đọc Tin mừng thứ ba và sách Công vụ tông đồ, tác giả thường đề cập đến mối tương quan giữa sự cầu nguyện, Thánh Thần Chúa và triều đại Người. Thoạt tiên, cho nghĩ rằng lời xin Thánh Thần rất xác thực. Thế nhưng, vì không được nhiều bản văn cổ xác nhận và nhất là không có trong Mátthêu nên cho thấy câu văn theo Luca được thêm vào sau này do ảnh hưởng đến từ kinh phụng tự về phép thanh tẩy ¹¹.

Lời xin về triều đại : chủ đề thời đại hay nước Thiên Chúa đóng vai trò rất quan trọng trong lời Đức Giêsu rao giảng. Tân ước ghi lại tất cả 122 lần từ ngữ về Nước Thiên Chúa. Tin Mừng có cả thấy 99 lần và 90 lần trong đó chính là lời Đức Giêsu. Vì vậy không có gì ngạc nhiên khi Người nói về triều đại trong Kinh Lạy Cha.

⁸ Jacques Schlosser, *Le Règne de Dieu dans les dits de Jésus*, Paris, 1980, trang 249 và 293.

⁹ Max Alain Chavallier, *Relire le Notre Père, Réforme*, Paris, 1991, trang 22.

¹⁰ Jacques Schlosser, *Le Règne de Dieu dans les dits de Jésus*, sách đã dẫn, trang 290 và 321.

¹¹ Joseph A. Fitzmyer, *The gospel according to Luke*, volume 28A, New York, 1985, trang 903-904.

Về phương diện hành văn : cụm từ Nước Thiên Chúa là chủ từ (sujet) của động từ « *erchomai* » (*mau đến*). Cụm ước hay các văn bản cổ Do thái không ghi sự phối hợp hai từ, nên ngôn từ của Đức Giêsu trong câu văn mang tính cách mới lạ.

Mátthêu và Luca dùng khoảng 50 lần từ « *basileia* » (*triều đại*). Mátthêu thường thêm từ « *tòn ouranon* » (trời) giống người Do thái thường dùng để tránh phải xưng danh Thánh Thiên Chúa. Ngược lại Luca thường thêm bổ ngữ (complément) « *tou theou* » (*Thiên Chúa*) cho câu văn dễ hiểu hơn đối với những người Hy Lạp trở lại Kitô giáo¹².

Ngoài câu văn trong Kinh Lạy Cha, Tân ước còn có thêm 4 lần nói về Nước Thiên Chúa hay triều đại Người đến :

1) Luca 22,18 (= Máccô 14,25 và Mátthêu 26,29) : « *Vì chưng, Ta bảo các ngươi, từ nay Ta sẽ không uống đến hoa quả giống nho nữa, cho đến khi Nước Thiên Chúa đến* ».

2) Luca 17,20 21 : « *Người Pharisêu hỏi Đức Giêsu : bao giờ Nước Thiên Chúa đến. Người trả lời : Nước Thiên Chúa không đến một cách nhãn tiền, người ta sẽ không nói được : « này ở đây » hay « ở đó » vì này Nước Thiên Chúa ở trong các ông* ».

3) Máccô 9,1 : và Người nói với họ : « *quả thật, Ta bảo các ngươi, trông những kẻ có mặt đây, có người sẽ không nếm biết cái chết, trước khi thấy Nước Thiên Chúa đến trong quyền năng* ».

4) Máccô 11,10 : « *Chúc muôn lành cho Nước sẽ đến của Đavít, cha chúng ta ! Hosana trên chốn cao vời !* » Trong câu này, « *Nước Thiên Chúa* » được thay thế bằng « *Nước Đavít cho chúng tôi* ». Câu này không mấy thích hợp với Kitô giáo nên Luca và Mátthêu 21,9 đã bỏ dù họ vẫn nêu là « *vua* » hay « *Đavít* » : « *Chúc muôn lành cho Đấng ngự đến, Ngài là vua nhân Danh Chúa* » (Luca 19,38). « *Hosana cho con Đavít ! Muôn chúc lành cho Đấng nhân Danh Chúa mà đến* » (Mátthêu 21,9).

Đôi lúc thay vì động từ « *đến* » lại có động từ « *gần kề* » như lời Gioan tẩy giả kêu gọi : « *Hãy hối cải, vì Nước Trời đã gần kề* » (Mátthêu 3,2) ; hoặc khi Đức Giêsu nói : « *Thời buổi đã mãn và Nước Thiên Chúa đã gần kề* » (Máccô 1,15 = Mátthêu 4,17) ; cũng như khi Người sai các môn đệ : « *hãy đi và loan báo rằng : Nước Trời đã gần kề* » (Máccô 10,2 + Luca 10,9.11). Trong Mátthêu 12,28 = Luca 11,20, động từ « *đến* » được thay bằng động từ « *đến trên* » : « *Ví bằng Ta nhờ Thần Khí Thiên Chúa mà trừ quỷ, thì quả Nước Thiên Chúa đã đến trên các ngươi* ».

Tóm lại, khi Đức Giêsu rao giảng từ « *Triều đại* » hay đi đôi với động từ « *đến* », hoặc với những từ đồng nghĩa. Mátthêu và Luca đã giữ ý chính đó trong Kinh Lạy Cha.

Thánh Phaolô cũng có nói đến chủ đề Triều đại Thiên Chúa nhưng với một ý nghĩa khác. Tác giả dùng đề Triều đại giải thích cách chúng ta phải sống hay được nhận như gia tài ; vì vậy đề tài Triều đại đến hay sắp đến là ngôn từ riêng Đức Giêsu dùng thôi.

2.c Mátthêu 6,10b : « Xin ý Cha thể hiện dưới đất cũng như trên trời »

Văn bản Luca không mang lời xin ý Thiên Chúa nhưng sách Didachè có ghi. Hai tác giả Máccô và Luca ít viết về ý Thiên Chúa một cách rõ ràng. Đức Giêsu chỉ cho biết nhân dịp nói về thân nhân đích thực của mình : « *Ai làm theo ý Thiên Chúa thì người ấy là anh chị em và là mẹ Ta* » (Máccô 3,35). Luca cũng ghi đề tài này có một lần trong lời Đức Giêsu cầu nguyện tại vườn Ghếtsemani (Luca 22,42). Mátthêu có tất cả 5 lần từ « *ý* » (*thelema*) đi đôi với từ « *cha* » : Mátthêu 6,10 ; 7,1 ; 12,50 ; 18,14 ; 26,42¹³, nhưng các nhà chú giải như Schlosser và Boismard đều nghĩ rằng những từ này không phải ở nguồn đích thực nhưng do tác giả biên tập¹⁴. Mátthêu cũng có 5 lần động từ « *thể hiện* » (*geneteto*) 6,10 ; 8,13 ; 9,29 ; 15,28 ; 26,42, nhưng chỉ thấy trong Kinh Lạy Cha và trong lời Đức Giêsu cầu nguyện ở vườn Ghếtsemani, vì từ « *ý* » làm chủ từ (sujet), có động từ « *thể hiện* ». Trong Tân ước, hai từ đi chung nhau, song có thêm hai lần khác trong Luca 22,42 và Công vụ tông đồ 21,14. Tin mừng Gioan cũng dùng hai từ 1 lần nhưng dưới dạng khác với bối cảnh » hoàn toàn khác : « *họ*

¹² Xem thêm Mátthêu 3,2 ; 4,17 ; 5,3.10.19-20 ; 8,11 ; 10,7 ; 11,11-12 ; 13,11.24.31.33.44.45.47.50 ; 16,19 v.v... và Luca 6,20 ; 7,28 ; 8,1.10 ; 9,2.11.27.60.62 ; 10,9.11 ; 11,20 ; 13,18.20.28 29 ; 14,15 ; 16,16 v.v...

¹³ Jacques Schlosser, Le Règne de Dieu dans les dits de Jésus, sách đã dẫn, trang 269-270 ; tác giả còn thấy thêm một sử dụng khác trong dụ ngôn hai người con Mátthêu 21,31.

¹⁴ P. Benoit, M.E Boismard, Synopse des quatre évangiles, tome II, Cerf, Paris, 1972, trang 274.

không do máu huyết mà sinh ra, cũng không phải do ý của xác thịt, cũng không do ý của nam nhân, nhưng chính do bởi Thiên Chúa mà được sinh ra » (Gioan 1,13).

Chủ đề « ý Cha » hay « ý Thiên Chúa » là một chủ đề thần học thuộc truyền thống Máttêu, cho nên tác giả cho chủ đề một chỗ đứng trong kinh nguyện căn bản người môn đệ Đức Giêsu là điều dễ hiểu. Truyền thống Luca chỉ giữ lại những yếu tố diễn tả ngắn gọn và không nói gì đến chủ đề trên. Vì vậy lời xin thứ ba chắc không có trong bản gốc, nhưng mang tính cách biên tập theo truyền thống Máttêu.

« ...như trên trời và dưới đất » (*os en ouranoi kai epi ges*).

Từ (particule) « kai » trong tương quan với « os...kai » chỉ một mình Máttêu dùng đối với các nhà Nhất lãm khác. Hai từ mang giá trị so sánh và đồng nghĩa với « os...outos » (chỉ định : démonstratif) diễn tính cách tương ứng chính xác.

Từ « trên trời » (*en ouranoi*) rất quen thuộc với Máttêu, tác giả dùng nhiều hơn các nhà Nhất Lãm khác¹⁵. Còn từ « dưới đất » không mạo từ (article) chỉ có 2 lần ở Máttêu 6,10 và Luca 2,14. Trái lại, Máttêu dùng từ « dưới đất » với mạo từ nhiều gấp đôi Máccô và Luca cộng lại¹⁶. Và cuối cùng, hai từ đôi « trời-đất » thường được thấy trong văn chương các Rabbi ; và thỉnh thoảng lại được thay thế bằng từ đôi « ở trên...ở dưới ». Máttêu cũng dùng hai từ nhiều, hơn Máccô và Luca¹⁷.

Dựa trên những nét văn chương vừa nhận xét và những ý tưởng ngấm ngấm diễn đạt tinh thần Sêmit qua những ngôn từ trên, cho nghĩ rằng một biên tập viên nào đó thuộc truyền thống Kitô hữu giữ luật Do thái (Judéo chrétienne) đã thêm câu văn vào Kinh Lạy Cha.

Lời xin thứ ba rất ngắn gọn và rất độc đáo vì mọi ý tưởng đều lấy Thiên Chúa làm trung tâm. Kể cầu nguyện mong ước thấy thực hiện ý Người ở dưới đất được thể hiện như trên trời. Dù vẫn giữ phần tích cực nhưng người nguyện cầu đặt hồn mình vào ý Thiên Chúa đòi hỏi. Nếu như ý có một tầm thần học quan trọng, tự hỏi Luca hay truyền thống theo ông có dám loại lời xin thứ ba khỏi Kinh mà Đức Giêsu cho một kích thước quan trọng ở lời Người giảng dạy ?

Luca thường viết ngắn gọn, loại bỏ những chi tiết thừa hay lập lại¹⁸, cũng không thích có những trình thuật giống nhau¹⁹. Do đó lúc áp dụng vào trường hợp Kinh Lạy Cha : Lời xin thứ hai và thứ ba rất gần nhau giữa ý Thiên Chúa và Triều đại Người. Một khi xin triều đại Người đến tức là cũng xin cho triều đại đó đến trong ta. Thiên Chúa không còn gặp trở ngại nào nơi ta để thánh ý Người được thực thi. Vì vậy, Luca xét không cần ghi lời xin về ý Thiên Chúa trong Kinh Lạy Cha. Theo ông, từ giây phút khẩn cầu triều đại Thiên Chúa đến, ta khẩn cầu bởi chính sự việc (Ipso facto) ý Người thực hiện trọn vẹn.

Tương cũng nên nhắc lại câu văn Máttêu mang nhiều âm hưởng Sêmit và truyền thống Rabbi, rất hài hòa với Kinh Lạy Cha và thích hợp đối với thế giới người Kitô hữu thuộc gốc Do thái giáo.

¹⁵ Jacques Schlosser, *Le Règne de Dieu dans les dits de Jésus*, sách đã dẫn, trang 287, 318-319. Máttêu dùng ở số ít, đôi lúc có mạo từ đôi lúc lại không « en (tò) ouranoi » : 6,10.20 ; 18,18 (2 lần) ; 24,30 ; 28,18 ; 22,30 (không mạo từ) ; ngoài ra không kể vào nhóm này Máttêu 5,34 và 23,22 với bối cảnh thể thốt. Máccô có 2 lần : 10,21 và 13, 32 ; Luca cũng hai lần với mạo từ 6,23 và 15,7. Máttêu cũng dùng nhiều nhất ở số nhiều với mạo từ « en tois ouranois » : 5,12.16 ; 6,1,9 ; 7,11.21 ; 10,32-33 ; 16,17.19 (2 lần) ; 18,14. Máccô 11,25-26 ; 12,25. Luca 10,20 ; 12,33 ; 18,22. Máttêu là tác giả duy nhất dùng từ ở số nhiều nhưng không mạo từ « en ouranois » : 5,45 ; 12,50 ; 18,10.19 ; 19,21.

¹⁶ Jacques Schlosser, *Le Règne de Dieu dans les dits de Jésus*, sách đã dẫn, trang 287 và 319. Máttêu dùng 10 lần : 6,19 ; 9,6 (2 lần) ; 18,18 (2 lần) ; 18,19 ; 23,9.35 ; 28,18. Máccô 3 lần : 2,10 ; 4,31 ; 9,3. Luca 4 lần : 5,24 ; 18,18 ; 21,23.25.

¹⁷ Jacques Schlosser, *Le Règne de Dieu dans les dits de Jésus*, sách đã dẫn, trang 287 và 319. Máttêu : 5,18.34-35 ; 6,10.19 ; 11,25 ; 16,19 (2 lần) ; 18,18 (2 lần). 24,35 ; 28,18. Máccô 13,27.31. Luca 10,21 ; 12,5 ; 16,17 ; 21,23.

¹⁸ Xem Máttêu 5,3-11 có 8 hoặc 9 mỗi phúc nhưng chỉ còn 3 hoặc 4 theo Luca 6,20-22 ; Trong Máttêu 13,8 = Máccô 4,8 những hạt giống mang lại 100, 60 hay 30 ; nhưng Luca đơn giản tất cả từ 100 còn lại 1. Trong trình thuật song song nơi Máttêu và Máccô liên quan đến việc gọi những môn đệ đầu tiên, Luca không lấy lại giống như hai nhà Nhất Lãm kia. Xin đối chiếu Luca 5, 1-11 = Máttêu 4,18-22 = Máccô 1,16-20.

¹⁹ Ví dụ Máccô kể hai lần trình thuật bánh hóa nhiều Máccô 6,34-44 và Máccô 8,1-10. Luca chỉ kể cuộc hóa bánh lần thứ nhất 9,11-17 và dường như không biết có lần thứ hai. Ngoài ra, lời chúc dữ cây vả (Máccô 11,12 14.20.25) dường như lập lại ý dụ ngôn cây vả (Luca 13,6-9, 17,6) ; phép lạ đi trên nước (Máccô 6,45-52) với dẹp yên biển động (Luca 8,22-25) ; xức dầu thơm ở Bêthania (Máccô 14,39) với sự tha tội cho người đàn bà tội lỗi (Luca 7,36-50) ; cuộc trình diện lần đầu trước hội đồng công toạ Do thái (Luca 20,1-8 = Máccô 11,27-32) và lần thứ hai (Máccô 14,53-65) ; đoạn rượu pha mộc dược (Máccô 15,23) với đoạn giấm chua cho Chúa Kitô uống (Luca 23,36) v.v... Xem Xavier Léon Dufour, *Les Evangiles synoptiques*, in *Introduction à la bible, NT*, tome II, Paris, 1959, trang 235.

Luca cho đó là thứ phụ và không hợp với thánh giá những dân ngoại trở lại Kitô giáo. Họ hoàn toàn không biết nãi trạng và nội dung đạo đức Do thái giáo. Cho nên lời thứ ba được thêm vào bởi truyền thống Máttêu mà Luca không muốn nhắc lại. Trong lời xin thứ nhất (Luca 11,2b), Luca cũng chỉ dùng từ ngắn gọn « *Lạy Cha* » và tác giả kết thúc Kinh Lạy Cha với lời xin chớ sa chước cám dỗ, trong khi Máttêu kéo dài thêm với lời xin cứu khỏi quỷ dữ.

Thêm một vài nhận xét văn chương giúp có một cái nhìn về tính chất thơ của phần đầu Kinh Lạy Cha với những lời xin bằng ngôi thứ hai số ít (Tu) ²⁰.

Máttêu trình bày Kinh Lạy Cha như một bài thơ với hai đoạn : đoạn đầu với những lời xin bằng ngôi thứ hai số ít « *Tu* » (pháp văn), và đoạn hai với những lời xin bằng ngôi thứ nhất số nhiều « *nous* » (pháp văn). Mỗi đoạn gồm 5 câu thơ, có vần và đối ngẫu chéo (chiasme). Trong đoạn, ba câu thơ ở trung tâm mang một bố cục với những yếu tố đồng nhất làm thành nhịp điệu đối xứng kết với đại từ « *sou* ». Đại từ chỉ định Thiên Chúa, đánh dấu Người là trung tâm những lời xin. Tất cả mọi giá trị của Kinh Lạy Cha đặt trên Thiên Chúa, vì chỉ có Người mới lấp đầy khoảng trống trong ta bằng sự hiện diện của chính Thiên Chúa. Nhu cầu hiện diện diễn tả qua ba phần song song, nhấn mạnh bằng câu văn thơ vần gọn, tạo liên tục không cần liên từ. Ngoài ra, lời xin thứ ba còn được tiếp bằng câu thơ thứ năm : « *dưới đất cũng như trên trời* » được nêu lên với thể văn kiểu đối ngẫu chéo và giữ luôn vai trò « *bao hàm* » (inclusion) bằng lời khẩn cầu khởi đầu : « *Lạy Cha chúng con, Đấng ngự trên trời* ».

Nhà chú giải Joachim Jérémias nhận xét qua phương diện thể văn của phần đầu Kinh Lạy Cha theo Luca, ông cho rằng Đức Giêsu có thể thụ hứng từ thể thức kinh Quaddish chắc chắn Người biết : « *Hai lời cầu với đại từ ở ngôi thứ hai trong Kinh Lạy Cha không có liên từ nối (asydète), nhưng những lời cầu với đại từ ở ngôi thứ nhất số nhiều (nous) được liên kết bởi từ « kai ». Sự khác biệt được giải thích bởi sự kiện hai lời cầu trong kinh Quaddish theo truyền thống cổ cũng ở kề với nhau và không có liên từ* » ²¹.

Thật vậy, Kinh Lạy Cha có rất nhiều điểm giống kinh « *Thánh hóa Danh Người* » (Quaddish) của Do thái giáo, như mang ước nguyện liên quan đến việc hiển thánh danh Thiên Chúa, triều đại Người đến và thể hiện ý Thiên Chúa. Lời xin lương thực và tha thứ có những tương tự với kinh « *18 lời chúc lành* » (*Shemoneh 'Esreh*) : ²².

- | | |
|--|--|
| 1) Lạy Cha chúng con, Đấng ngự trên trời | Xin cho những lời kinh, những lời van xin của toàn thể dân Itraen được Cha của họ ở trên trời đón nhận. (Quaddish) |
| 2) Xin cho Danh Cha hiển thánh | Xin cha Danh Cha được ngợi khen và hiển thánh trong thế giới mà Người đã tạo dựng theo ý Người. (Quaddish) |

Người là Đấng Thánh và Danh Người là Thánh và các Thánh hằng ngày ca tụng Người. Chúc tụng Chúa, là Thiên Chúa, là Đấng Thánh! Chúng con xin Danh Người thánh hóa dưới trần thế như trên trời. (Lời chúc 3)

- | | |
|-------------------------------|--|
| 1) Xin triều đại Cha mau đến. | Xin thiết lập triều đại Người và làm nảy mầm ơn Người cứu chuộc. (Quaddish)
Nơi Người ngự, ôi Đức Chúa chúng con, |
|-------------------------------|--|

²⁰ M.E Jacquemin, La portée de la 3^e demande, trang 62-63.

²¹ Joachim Jérémias, Théologie du Nouveau Testament, tome I, La prédication de Jésus, Lectio Divina 76, Paris 1973, trang 248.

²² Bản kinh được dịch theo bản đăng trong nguyệt san Les dossiers de la bible số 40, Notre Père 1991, trang 6 - 7.

hãy xuất hiện, hãy trị vì chúng con đang đợi Người. Đến khi nào Người sẽ ngự trị trên Sion ? (Lời chúc 3)

Xin hãy thiết lập những vị thẩm phán của Người... và trị vì trên chúng con vì chỉ mình Người là Thiên Chúa yêu thương và nhân hậu. Chúc tụng Chúa là Đức vua yêu thương công chính và chính trực. (Lời chúc 11)

4) Xin ý Cha thể hiện dưới đất cũng như trên trời Đó là ý của Người, Lạy Cha... dẫn dắt bước chân chúng con trong lề luật của Người và gắn bó chúng con vào trong những giới luật của Người (Kinh sáng)

5) Xin cho chúng con hôm nay
Bánh cần dùng

Người nuôi dưỡng những kẻ sống bằng tình thương. Người làm sống lại những kẻ chết bằng lòng nhân hậu vô biên. Người nâng đỡ những kẻ ngã. Người cứu chữa những kẻ bệnh hoạn và giải thoát những kẻ tù đầy. Có ai được như Người là bậc thầy mọi sức mạnh. (Lời nguyện(2)

Xin hãy chúc lành chúng con, Lạy Chúa là Thiên Chúa chúng con, cho năm nay và mọi mùa gặt được tốt đẹp Xin cho chúng con được no thỏa lòng tốt của Người. (Lời nguyện 9)

6) Xin tha nợ chúng con
như chúng con cũng tha

Xin tha lỗi, ôi Lạy Chúa chúng con vì chúng con đã phạm tội. Xin ban ơn, ôi kẻ có nợ chúng con. Đức vua của chúng con vì chúng con đã lỗi lầm, vì Người là Đấng ban ơn và tha thứ. Chúc tụng Người, Lạy Chúa, đã ban ơn và tặng thêm sự tha thứ (Lời nguyện 6)

7) Xin chớ để chúng con sa chước cám dỗ nhưng xin cứu chúng con khỏi quỷ dữ

Xin đừng trao chúng con vào quyền lực tội lỗi, không tuân thủ, lỗi lầm, cám dỗ cũng như hổ thẹn. Xin đừng để khuynh hướng xấu xa thống trị trên chúng con. (Kinh sáng)

Hãy nhìn đến sự khốn khổ của chúng con và điều khiển sự chiến đấu của chúng con. Xin giải thoát chúng con ngay đừng chậm trễ vì Danh Người ; vì

Người là Đấng giải thoát toàn năng.
Chúc tụng Người, Lạy Chúa Đấng giải
thoát Itraen. (Lời nguyện 7)

Nhờ bảng đối chiếu trên, hiểu tại sao một số nhà chú giải gốc Do thái nghĩ rằng Kinh Lạy Cha đã lấy lại những nguyên tố từ kinh nguyện Do thái giáo. Trong cuốn sách « *Những nguồn gốc Do thái trong bài giảng trên núi* », học giả Gerald Fridlander viết : « *Tất cả những câu và tất cả những lời xin đều mượn từ những nguồn văn gốc Do thái* »²³. Một học giả khác, Robert Aron, diễn đạt tinh vi hơn : « *bản kinh cơ bản (Kinh Lạy Cha) của Thiên Chúa giáo có phần lớn những đoạn thoát ra từ Kinh nguyện cơ bản Do thái giáo mà Đức Giêsu đã đọc hay đã nghe thấy những năm Người sống ở Nagiarét* »²⁴. Và học giả P.Fiebig, chuyên thuộc văn chương Do thái về kinh nguyện nhận xét như sau : Đức Giêsu « *trình bày Kinh Lạy Cha ngắn gọn, súc tích với tài năng không thể bắt chước được... Với nội dung và hình thức, (Kinh Lạy Cha) là một công trình mang dấu ấn của Thần Khí Người* »²⁵.

Đúng vậy, dù Kinh Lạy Cha còn giữ những nét kinh nguyện Do thái nhưng cũng mang chiều kích rất đặc biệt với ba yếu tố khác :

- Từ ngữ trong Kinh Lạy Cha giản dị và ngắn gọn.
- Nội dung mang tính cách phổ quát chứ không cần dựa vào tư tưởng tái lập quốc gia và chính trị Do thái.
- bố cục đặc thù : cầu xin cho Danh và triều đại Thiên Chúa trước khi nghĩ đến những nhu cầu loài người²⁶.

Ngoài ra còn hai điểm đặc thù khác :

- Với Đức Giêsu, thời cánh chung đã được bắt đầu nên những lời cầu xin trong phần đầu Kinh Lạy Cha mang màu sắc duy nhất.

- Đức Giêsu làm cho những từ ngữ và những chủ đề như Danh Cha, Triều đại, Ý Cha, bánh, tha thứ và cám dỗ, có một nội dung mới : Người là sự hoàn mãn.

Trong tinh thần đó, với những lý do trên nên mọi môn đệ của Đức Giêsu dâng lời cầu xin Thiên Chúa là Cha²⁷.

3) Bốn lời xin cho loài người.

Những lời xin đều ở ngôi thứ nhất, số nhiều « *chúng con* » (Mátthêu 6,11 13 = Luca 11,34).

Trong đoạn hai, lời xin cứu khỏi « *quỷ dữ* » (Mátthêu 6,13b) không có trong bản kinh theo Luca ; ngược lại những lời xin chung về lương thực và lòng tha thứ, tha nợ hay tha tội cũng có dị biệt về thể văn hay văn phạm.

3.a Mátthêu 6,11 (= Luca 11,3) : « *xin cho chúng con ngày hôm nay bánh cần dùng* »

Lời xin mang hai yếu tố dị biệt giữa Mátthêu và Luca: thể thức động từ “*cho*”(didomi) và trạng từ thời gian “*hôm nay*” (sèmeron). Sách Didachè 8,2 lại hoàn toàn giống thể thức theo Mátthêu. Tác giả Tin Mừng thứ nhất dung động từ “*didomi*” ở thể cách mệnh lệnh “*aorít*” (aorít là một thì quá khứ trong văn phạm Hy Lạp), ngôi thứ hai số ít và có từ “*hôm nay*”(Sèmeron) đi tiếp theo. Luca để động từ ở thể cách mệnh lệnh hiện tại (impératif présent) cũng cùng ngôi thứ hai số ít và có cụm từ “*hằng ngày*” (tò kath hèmèran).

Bình thường, động từ ở thời hiện tại diễn ý một sự liên tục hay sự đứt quãng; còn thể cách mệnh lệnh thời hiện tại đánh dấu một lệnh truyền hay một lời xin tiếp tục cho một hành động đã khởi sự hay được lập lại. Ngược với thời hiện tại, thì aorít đánh dấu đúng thời gian : có một biến cố đúng thời gian hành động đã dự định dưới hình thức rất đơn giản, không có ý tưởng kéo dài liên tục hay lập lại. Những quy tắc văn phạm trên khó thấy được trong một bản dịch, nhưng hiển nhiên thời hiện tại ở thể

²³ Gerald Friedlander, The Jewish Sources of the sermon on the mount, Londres 1911, trang 120.

²⁴ Robert Aron, Les origines juives du Pater, in La Maison Dieu số 85, 1966, trang 38.

²⁵ P. Fiebig. Das vaterunser Ursprung, sinn und bedeutung des christlichen hauptgebetes, Betelsmann 1927, trang 96.

²⁶ Prière dans le Nouveau Testament, SDB, tome 8, cột 598.

²⁷ Marcel Dumais, Sermon sur la montagne, SDB 69, cột 884.

cách mệnh lệnh được dùng đánh dấu một lệnh chung và thể cách mệnh lệnh aorít đánh dấu một lệnh riêng²⁸.

Vì vậy, câu văn theo Luca chỉ một biến cố chung chung lập lại thường xuyên, đó là “*bánh hằng ngày cần dùng*” cho loài người ở dưới thế, và trạng từ thời gian “*hằng ngày*” (*Kath hèmèran*) nhấn mạnh trên một hành động liên tục. Lời xin Luca cần hiểu như sau : “*bánh hằng ngày : xin cho chúng con và tiếp tục cho chúng con ngày qua ngày và mỗi ngày*”. Riêng lời xin theo Mátthêu chỉ định một biến cố đúng thời gian, một hành động đặc biệt “*bánh cần dùng*” cho ngày hôm nay. Trong trường hợp chính xác này, hành động duy nhất và hài hòa với trạng từ thời gian “*ngày hôm nay*” (*semèron*), có nghĩa bao bọc thời gian lúc hành động.

động từ “*cho*” (*didomi*) được sử dụng cả thảy 415 lần trong Tân ước nhưng ở thể cách mệnh lệnh aorít “*dos*” như lời xin theo Mátthêu, và chỉ có tất cả 9 lần trong Tin mừng Nhất Lãm. Mátthêu một mình đã sử dụng hết 5 lần : 5,42; 6,11; 14,8; 17,27; 19,21; Máccô 2 lần : 10,21 = Mátthêu 19,21 và Luca 10,37; Luca 2 lần : 12,58 và 15,12. Dưới thể thức “*didou*” (*thời hiện tại*) có hai lần trong Luca : 6,30; 11,3 = Mátthêu 5,42 = 6,11, Mátthêu giữ thì aorít.

Trong dụ ngôn tình phụ tử, người con thứ nói với cha : “*Thưa cha, xin ban cho (dos) con phần gia sản sẽ thuộc về con*” (Luca 15,12). Dụ ngôn chỉ một mình Luca ghi lại đến từ nguồn văn riêng và tác giả biết thể thức động từ “*didomi*” (*cho*) ở thì aorít; Do vậy có thể cho rằng tác giả đã sửa câu văn trong lời xin nói về bánh. Luca cũng đã làm như vậy ngay trong những trình thuật mang nguồn văn chung như Luca 12,58 = Mátthêu 5,25; Luca 6,30 = Mátthêu 5,42; nhất là Luca 18,22 = Mátthêu 19,21 = Máccô 10,21 trình thuật người thanh niên giàu có. Khi Mátthêu và Máccô giữ động từ “*didomi*” ở thì aorít (*dos*): “*Nếu người muốn trọn lành, thì hãy bán đi những gì người có mà cho (dos) kẻ khó, và người sẽ có một kho tàng trên trời, đoạn hãy đến theo ta*” “*cho*”: “*Người chỉ còn thiếu một điều : Người hãy bán tất cả những gì người có mà phân phát (diados) cho kẻ khó, và người sẽ có một kho tàng trên trời, đoạn hãy đến theo ta*”.

Mátthêu và Luca đều đặt trạng từ thời gian (adverbe de temps) ở cuối câu văn với nhiều ý nghĩa : ân huệ nhận bánh liên kết với sự xác thực nhất thời, rất quan trọng ở chỗ cần phải hiểu tinh thần lời xin nằm trong bối cảnh chờ thời cánh chung. Bởi vậy, phải giải nghĩa cách nào về sự dị biệt giữa thể thức “*ân huệ*” với “*thời gian*” nếu như Mátthêu và Luca cùng lấy từ nguồn văn Q ?

Câu hỏi đặt ra thật khó trả lời, thêm lần nữa chỉ có thể chấp nhận ý Mátthêu và Luca đã không quên môi trường riêng của họ. Hai tác giả xếp bản văn cho phù hợp với thánh giá của mình. Theo cha agrange cụm từ theo Luca “*Xin cho... hằng ngày*” (*dou... to kath hèmèran*) thích hợp hơn cho kinh nguyện phải đọc mỗi ngày một lần đối với Kitô hữu gốc dân ngoại. Họ phải học thêm mỗi ngày biết hướng về Chúa Cha chờ đợi lương thực hằng ngày; và cụm từ theo Mátthêu “*xin cho... hôm nay*” (*dos... semèron*) cũng thích hợp với môi trường cho những Kitô hữu gốc Do thái. Những người đã biết những lời kinh tương tự như Kinh Lạy Cha, và họ vẫn thường xuyên đọc trong kinh nguyện phụng vụ. Họ biết gọi Thiên Chúa là Cha và chờ đợi triều đại Người đến giữa họ²⁹. Mátthêu đã cho thánh giá cảm nhận thời cánh chung ngay thời buổi hôm nay. Luca cũng nhắc nhở cộng đoàn Kitô hữu ý tưởng trên, ông ghi lại trình thuật Đức Giêsu trở về nguyên quán Nagiarét, và trong hội đường Người đã nói : “*Hôm nay (semèron) đã ứng nghiệm... sự cứu độ*” (Luca 4,21)³⁰ hoàn thành lời Kinh Thánh. Dị biệt trong lời xin nói lên mối ưu tư của Mátthêu và Luca. Tấm lòng mục tử làm họ bận tâm muốn giảng dạy sao cho thích hợp với người nghe mình hơn là truyền lại chính xác những lời Đức Giêsu. Do thế, ta thấy tinh thần sứ điệp được coi trọng hơn nghĩa đen.

Tính từ “*cần dùng*” (*epiousios*) : chỉ thấy duy nhất trong Kinh Lạy Cha chứ không xuất hiện nơi nào khác trong Tân ước, nên rất khó dịch. Xét trong văn chương Hy Lạp hay ngôn ngữ bình dân cũng không thấy. Từ nguyên cũng không giúp hiểu rõ ràng hơn. Cha Jean Carmignac để tâm nghiên cứu vấn

²⁸ J.W.Wenham, Initiation au grec du Nouveau Testament, Paris, 1979 ; ý nghĩa thể cách mệnh lệnh hiện tại trang 70, và ý nghĩa thể cách mệnh lệnh aorít trang 92-93.

²⁹ M. J. Lagrange, L’Evangile selon Saint Luc, Paris 1941, trang 323.

³⁰ Luca thường nhấn mạnh ơn cứu độ cho « ngày hôm nay » ; ví dụ : 2,11 « hôm nay, một Đấng cứu độ đã sinh ra cho anh em trong thành vua Đavít, Người là Đấng Kitô Đức Chúa » và 3,22 với lời trích dẫn Thánh vịnh 2,7 ; 5,26 ; 13,32 ; 19,9 và 23,43 : « Con là Con của Cha ; ngày hôm nay, Cha đã sinh ra con »

đề này trong bản văn của các giáo phụ nơi ngữ học Hy Lạp và Sêmit cũng không chắc chắn tìm ra nghĩa chính từ “*epiousios*”³¹. Tính từ có thể mang những nghĩa khác nhau như :

- *epiousios* có gốc động từ *epienai* = cho tương lai, cho ngày mai.
- *epiousios* có gốc động từ *epiemi* và phát sinh ra từ ngữ *hè epiousa (hémèra)* = ngày sẽ đến.
- *epiousios* do sự kết hợp hai từ *epi* + *ousia* = cần dùng³².

Tại sao từ hiếm có và khó giải thích lại có trong Tin mừng Mátthêu và Luca bằng tiếng Hy Lạp ? Nguồn gốc và ý nghĩa tính từ “*epiousios*” tới nay vẫn là nan giải chưa được giải thích ổn thỏa!

3.b Mátthêu 6,12 (= Luca 11,4ab) :

“*và xin tha nợ chúng con như chúng con cũng tha kẻ có nợ chúng con*”

“*và xin tha tội chúng con vì chúng con cũng tha cho tất cả những ai có nợ với chúng con*”

Mátthêu và Luca dị biệt giữa hai từ “*nợ*” (*opheilémata*) và “*tội*” (*amartias*). Sách Didachè 8,2 mang từ “*opheilén*” cùng gốc với từ “*nợ*” theo Mátthêu.

Từ “*nợ*” gần như một “*hapax legomenon*” (chỉ gặp một lần trong Thánh Kinh), vì ngoài Mátthêu 6,12a, từ chỉ còn thấy lần khác trong thư Phaolô gửi tín hữu Rôma nói về Abraham nên công chính nhờ đức tin : “*Nơi ai có việc làm thì công không thể là ơn, nhưng là nợ*” (Do thái 4,4).

Từ “*tội*” (*amartia*) quen thuộc với các tác giả Tân ước (173 lần). Mátthêu có 7 lần và L ca 19 lần. Thêm nữa, trong phần hai của lời xin Luca không nói đến tội nhưng lại dùng từ “*nợ*”: “*tất cả những ai có nợ với chúng con*” (*panti ophelonti hêmìn*) (Luca 11,4b). Bên phần đối chiếu, Mátthêu vẫn giữ từ “*kẻ có nợ (opheilétais) chúng con*”.

Sau khi phân tích, Mátthêu có thể giữ đúng văn bản gốc Hy Lạp lời xin tha nợ, riêng Luca cũng biết từ ở cùng nguồn văn với Mátthêu, nhưng vì bận tâm về mục vụ nên tác giả thay từ “*nợ*” khó hiểu theo nghĩa đạo đức tội lỗi. Luca thấy từ “*tội*” thích hợp hơn trong mối tương quan giữa loài người với Thiên Chúa Cha; và khi nói về mối tương quan giữa người với người, Luca lấy lại từ “*nợ*” rất hợp về phương diện xã hội. Thêm một điểm đặc thù khác về tính chất thơ, nói lên ưu điểm cho văn bản Mátthêu. Ở chữ cuối hai câu thơ, Mátthêu giữ dạng số nhiều, làm thành nhịp điệu và gieo vần song song, được kết thúc bằng tính từ sở hữu (adjectif possessif) ở số nhiều : “*xin tha nợ chúng con*” (*opheilétais hêmèn*). Cách gieo vần như trên rất thịnh hành trong kinh nguyện của người Do thái, trong khi bản văn theo Luca cắt đứt sự hài hòa đó.

Động từ “*tha*” (*aphèkamen*) hay (*aphiomen*). Đây là lời xin tha thứ, còn thêm một khác biệt giữa Mátthêu và Luca với hai thể thức động từ khác nhau. Câu thơ đầu làm tâm điểm của lời xin, và hai tác giả đồng ý với động từ “*aphes*” ở thì aorít. Câu đó được diễn nghĩa người cầu nguyện chờ đợi tin tưởng Cha trên trời có hành động tha thứ duy nhất và vĩnh viễn. Trong câu thơ thứ hai, khi Mátthêu dùng động từ “*chúng con tha*” (*aphèkamen*) ở thì aorít, Luca vẫn giữ động từ ở thời hiện tại “*chúng con tha*” (*aphiomen*) giống như sách Didachè 8,2 (*aphiemen*). Thì aorít đánh dấu bằng hành vi đã xong và trình bày sự tha thứ thuận cho những người nợ chúng ta trước khi Chúa đồng ý tha cho ta. Đây là một hành vi xảy ra ngay lúc ta cầu nguyện. Ta phải tha thứ cho người anh em trước khi Chúa tha thứ cho loài người ta. Ý tưởng không những phù hợp với Tin mừng nhưng còn rất phù hợp với thói quen tác giả dùng đến động từ “*tha thứ*”: “*vì nếu các người tha thứ (aphète: thì aorít lối liên hệ (subjonctif) = ngay tức khắc) cho người ta những điều họ sai lỗi, thì Cha các người, Đấng ngự ở trên trời, cũng sẽ tha (thời tương lai) cho các người; nhưng bằng các người không tha thứ (mè aphète: thì aorít lối liên tiếp) cho người ta, thì Cha các người cũng sẽ không tha thứ (thời tương lai) những điều các người sai lỗi*” (Mátthêu 6,14-15). Trong phần cuối trình thuật về dụ ngôn con nợ bất nhân, Đức Giêsu đưa ra bài học : “*Cũng vậy Cha Ta, Đấng ngự trên trời, sẽ xử (tương lai) với các người, nếu các người mỗi người không thật lòng tha (mè aphète : thì aorít lối liên tiếp) cho anh em mình*” (Mátthêu 18,35). Khi nói về luật mới và luật cũ, ý tưởng trên còn rõ rệt hơn nữa : “*vậy nếu người dưng của lễ trên bàn thờ, và ở đó nhớ ra anh em có điều bất bình với người, người hãy đặt của lễ đó trên bàn thờ, mà đi làm hòa với anh em người trước đã, rồi bấy giờ hãy đến và dâng lễ vật của người*” (Mátthêu 5,23-24). Tha thứ cho

³¹ Jean Carmignac, Recherches sur le Notre Père, sách đã dẫn, trang 143.

³² M. Carrez et F. Morel, Dictionnaire Grec-Français du Nouveau Testament, Paris 1980. Từ « *epiousios* » với lời dẫn duy nhất nơi Mátthêu 6,11 = Luca 11,3. Tác giả nhấn mạnh rất khó biết ý chính trước khi cho những lời chú giải.

người anh em trước khi được Chúa thứ tha cho mình, là một ý tưởng đặc biệt theo Tin mừng thứ nhất. Viễn tưởng thần học chỉ một mình Mátthêu khai triển, có thể quá tinh tế đối với Luca, nên tác giả đơn giản hóa bằng cách đổi thể động từ “*tha thứ*” ra thời hiện tại.

Tóm lại Mátthêu thêm vào câu văn 6,12 những từ sau:

- tiêu từ “*kai = và*” để nối câu văn với lời xin trước.
- câu 6,12b: “*như chúng con cũng tha kẻ có nợ chúng con*”.

3.c Mátthêu 6,13a (= Luca 11,4c) : “*xin chớ để chúng con sa chước cám dỗ*”

Mátthêu, Luca và sách Didachè 8,2 đều giống nhau, nhưng lời xin khác biệt với các lời xin trước ở thể thức tiêu cực. Câu văn kết thúc Kinh Lạy Cha theo Luca, nhưng Mátthêu còn thêm một lời xin phản đề song song.

- động từ “*sa*” (*eiphéro*) ở thì aorít lỗi liên kết, ngôi thứ hai số ít, kèm theo từ phủ nhận “*đừng*” (*mè*) chứ không ở thể cách mệnh lệnh (imperative) như những lời xin trước. Tân ước có 8 lần động từ này, Mátthêu dùng một lần và Luca 5 lần³³.

- từ “*chước cám dỗ*” (*peirasmós*) có 21 lần trong Tân ước, Mátthêu 2 lần và Luca 7 lần³⁴.

Lời xin đến từ nguồn văn Q, ít ra tinh thần có thể sát với truyền thống. Thể thức câu văn không gây khó khăn nhưng lại gặp nơi ý nghĩa từng từ và trong bản dịch.

3.d Mátthêu 6,13b : “*nhưng xin cứu chúng con khỏi quỷ dữ*”

Sách Didachè 8,2 ghi đúng như câu văn Mátthêu. Tính cách phụ thêm vào lời xin 6,13a rõ rệt ngay lối kết cấu câu văn : bắt đầu bằng tiêu từ (particule) “*và*” (*kai*), câu văn còn mang liên từ (conjonction) “*chớ*”... *nhưng*” (*mè... alla*) đánh dấu sự chống chọi giữa hai phần của câu văn. Đoạn văn đầu mang nghĩa phủ định và ngay đầu phần hai từ “*nhưng*” (*alla*) làm đối trọng dẫn nhập vào thể thức cấp nguyên. Mátthêu thích thể văn cân bằng trong một câu và dùng ít nhất 8 lần tiêu từ “*chớ... nhưng*” trong Tin Mừng³⁵. Luca không bao giờ sử dụng tiêu từ trong Tin Mừng nhưng có 2 lần trong Công vụ tông đồ : Trong trình thuật Chúa thăng thiên : “*và đang lúc đồng bàn với họ,, Người truyền dạy cho họ chớ rời Giêrusalem, nhưng hãy chờ đợi điều Cha đã hứa*” (1,4); và trong trình thuật Phaolô đến thành Côrintô : một đêm kia, Chúa phán cùng Phaolô trong thị kiến : “*Đừng sợ ! nhưng cứ nói đi, đừng làm thinh*” (Công vụ 18,9). Những điều vừa tìm hiểu trên giúp phỏng đoán đoạn văn Mátthêu 6,13b đến từ việc biên tập thuộc truyền thống Mátthêu.

- động từ “*cứu*” (*rhysai*) ở thể cách mệnh lệnh aorít, là ngôi thứ hai số ít, được thấy 17 lần xuất hiện trong Tân ước, nhưng chỉ có ba lần trong Tin mừng. Mátthêu dùng 2 lần : 6,13 và 27,43 : “*Nó đã cậy vào Thiên Chúa, thì bây giờ Người hãy cứu nó, nếu Người yêu thương nó*” (= trích dẫn sách khôn ngoan và Thánh vịnh 22,9). Luca sử dụng 1 lần trong thánh thi ông Zacharia : “*Để cho ta thấy khiếp sợ, cứu khỏi tay địch thù, được thờ phượng Người trong thánh thiện và công minh*” (Luca 1,74 = trích dẫn ngôn sứ Mikha 4,10 và Thánh vịnh 97,10). Thánh Phaolô có tới 12 lần và thánh Phêrô 2 lần. Mátthêu giữ lại trong câu văn một từ truyền thống nói về sự cứu thoát, giải phóng và cứu độ, một chủ đề quan trọng trong mối quan tâm con người chờ đợi ơn cứu độ. Theo các bối cảnh động từ “*cứu*” có thể dùng với giới từ (preposition) “*apò*” hay “*ek*” chỉ định nơi xuất xứ.

- từ “*quỷ dữ*” (*ponèros*) được sử dụng tới 7 lần trong Tân ước. Mátthêu 26 lần, Máccô 2 lần, Luca 13 lần và Gioan 3 lần. Từ quen thuộc với Mátthêu hơn cả.

Như trong phân tích “*những lời xin liên quan đến Thiên Chúa*”, cũng có vài nhận xét về khía cạnh thơ “*những lời xin cho loài người*”. Trong một đoạn trên có ghi nhận những động từ đối xứng và thể song đối giữa 3 câu thơ làm trung tâm điểm cho những lời xin thì ngay trong những lời xin cũng đã có thể song đối, nhất là nơi ý nghĩa những từ ngữ.

Câu 11 : “... ngày... hôm nay”

Câu 12 : “*tha nợ chúng con... chúng con cũng tha...*”

³³ Luca 5,18-19 ; 11,4 ; 12,11 và Công vụ các tông đồ 17,20 ; động từ « eiphéro » còn được dùng tới 2 lần khác trong 1 Timothê 6,7 và thư gửi tín hữu Do thái 13,11.

³⁴ Mátthêu 6,13 ; 26,41 ; Luca 4,13 ; 8,13 ; 11,4 ; 22,28.40.46 và Công vụ các tông đồ 20,19 ; Máccô 1 lần : 14,38.

³⁵ Mátthêu 5,17.39 ; 6,13.18 ; 9,17 ; 10,34 ; 21,21 ; 24,6.

Câu 13 : “... *chước cám dỗ... quý dữ*”

Thế song đối đi xa hơn nữa giữa hai chữ đầu và chữ kết bản Kinh : “*Cha*” và “*quý dữ*”. Người cầu nguyện khẩn xin Thiên Chúa giải thoát khỏi quý dữ ở cuối đoạn kinh cũng như cho thời gian sắp tới, vì vấp Kinh Lạy Cha mang đặc điểm thời cánh chung.

Theo nảo trạng Sêmit, nhịp điệu tạo ra một khung cảnh tin tưởng. Cấu trúc Kinh Lạy Cha hoàn thành với thể thức giúp người ta dễ đọc và dễ nhớ. Các diễn từ của Đức Giêsu như bài giảng trên núi cũng mang nhịp điệu thể văn truyền miệng, cho nên có thể Kinh Lạy Cha không mang đúng bối cảnh xác thực, nhưng bản chất bản kinh là để đọc, và nhà biên tập Mátthêu trung thành ghi lại sự linh động nguyên thủy³⁶.

Ta có thể chấp thuận Luca thay đổi đôi chút lời Kinh gốc, vì thánh giả không hiểu những ngữ điệu Sêmit. Riêng Mátthêu cho Kinh Lạy Cha trang trọng, hướng về phụng tự hơn với sự thêm chi tiết, nhất là trong lời khẩn cầu ở cuối đoạn thơ đầu và đoạn thơ thứ hai.

Mátthêu và Luca sửa đổi chút ít cho hợp với thánh giả và nhu cầu giáo lý. Song vấn đề đặt ra tìm hiểu xem Kinh Lạy Cha có tất cả bao nhiêu lời xin, và có thể biết được bản kinh nguyên thủy không ?

4) Bao nhiêu lời xin ?

Vấn đề không đặt ra cho văn bản theo Luca, vì 5 lời xin đều nằm gọn trong văn bản Mátthêu. Nơi Mátthêu, hai câu văn 13ab có thể hợp lại thành một và như thế có 6 lời xin. Han Van Den Bussche cho rằng : “*Đoạn đầu mang 3 lời xin hướng về Thiên Chúa, đoạn 2 chứa 3 hoặc 4 lời xin (cầu cho con người). Lời xin cuối tách đôi làm song đối đưa đến con số 7 lời xin (con số hoàn hảo)*”³⁷. Theo Schurmann, tác giả Mátthêu có thể bổ sung bằng cách dựa vào những Kinh thường dùng tìm đạt tới con số 7 lời xin³⁸. Thật vậy, con số 7 mang nhiều nghĩa trong Thánh Kinh. Mátthêu sử dụng 9 lần, sách Khải Huyền 50 lần. Con số biểu hiện cái gì hoàn hảo, trọn vẹn nên Kinh Lạy Cha phải có 7 lời xin cũng dễ hiểu thôi. Cha Jean Carmignac giải thích về vấn đề bao nhiêu lời xin như sau : “*Chúng ta nhớ Mátthêu đã chăm sóc ra sao bản văn phân chia gia phả của Đức Giêsu (1,17), tác giả chia ra làm 3 phần với 14 thế hệ vì con số 14 là gấp đôi của số 7*”³⁹.

³⁶ M. E. Jacquemin, La Portée de la 3^e demande du Notre Père, trang 63, bị chú 4.

³⁷ Han Van Den Bussche, Le Notre Père, sách đã dẫn trang 16-17.

³⁸ Heinz Schurmann, La prière du Seigneur, sách đã dẫn trang 101, bị chú 235.

³⁹ Jean Carmignac, Recherches sur le Notre Père, sách đã dẫn trang 315, bị chú 19. Con số 7 được biết đến cả thảy 88 lần trong Tân ước : Mátthêu 9 lần : 12,45 ; 15,34.36 37 ; 16,10 ; 18,22 ; 22,25-26.28 ; Máccô 9 lần : 8, 5-6.8.20 (2x)

Chương bốn

Bản Kinh Lạy Cha nguyên thủy ?

Sau vấn đề số lời xin, có một vấn đề khác không kém phần quan trọng liên quan đến bản Kinh gốc. Với những dữ kiện đến từ phân phân tích văn chương giữa hai văn bản Mátthêu và Luca, có giúp tìm ra được nền nguyên thủy không ? câu trả lời mang nhiều giả thuyết và dĩ nhiên có giả thuyết lấy văn bản Mátthêu như sát với bản gốc và giả thuyết khác lại chọn văn bản Luca. Nơi phần đi tìm nguồn văn của Kinh Lạy Cha chương một, các nhà chú giải đều đồng ý Kinh Lạy Cha theo Mátthêu và Luca, đến chung từ một bản gốc đến từ tiếng Hy Lạp xuất hiện nơi các cộng đoàn tiên khởi. Từ bản gốc này sinh ra hai Kinh Lạy Cha khác nhau và đó là lý luận giải thích phần nào những từ vựng giữa hai bản văn trùng hợp.

Trả lời câu hỏi về bản gốc, không bắt buộc phải đi lên tới văn bản tiếng Aramê hay Hípri để có được chính xác các ngôn từ đến chính từ miệng Đức Giêsu (*ipsissima Verba Jesu*). Nhà chú giải Joachim Jérémias đã phiên dịch Kinh Lạy Cha theo Luca bằng tiếng Aramê và ông ghi : “*gần như âm thanh và Kinh Lạy Cha được phát ra từ môi miệng Đức Giêsu*”⁴⁰. Còn cha Jean Carmignac lấy bản văn theo Mátthêu và trình bày sự khôi phục bản văn Híp ri nguyên thủy của Kinh Lạy Cha với “*cách phát âm phỏng chừng*”⁴¹.

Các nhà chú giải rất dè dặt và khiêm tốn trong khi tìm tòi và chú giải, nhưng trong phần này cố gắng tìm hiểu xem Mátthêu hay Luca, ai trung thành hơn cả về nội dung trình thuật bằng tiếng Hy Lạp nguyên thủy, được thừa hưởng từ những cộng đoàn tiên khởi.

Khuynh hướng thứ nhất tán thành văn bản ngắn của Luca với những lý luận như sau :

- dựa trên khoa phê bình bản văn, nếu như một bản văn ngắn có hết trong văn bản dài, bản văn đó có khả năng gần bản gốc hơn. Khi áp dụng cho Kinh Lạy Cha, câu hỏi phải đặt ra : phải chăng tác giả nào dám loại bỏ 2 lời xin mang một truyền thống rất cổ ?

Mátthêu và Luca không ghi lại từng chữ một phát ra từ miệng Đức Giêsu, nhưng lấy từ tài liệu cũng như truyền thống các cộng đoàn Kitô hữu họ biết hay nghe tới. Vấn đề ở đây tìm xem cộng đoàn nào còn giữ được bản gốc hoặc ít ra gần gũi với ngôn từ của Đức Giêsu. Bản văn Mátthêu được truyền bá rất nhanh trong Giáo hội sơ khai, không có nghĩa Mátthêu gần sát với ngôn từ của Đức Giêsu. Sự thành công trên do ảnh hưởng của sách Tin mừng thứ nhất trên các Kitô hữu sơ khai, vì Mátthêu được coi như cuốn Tin mừng cũ nhất... Thêm nữa, Kinh Lạy Cha theo Mátthêu được trình bày rất trang trọng, và phụng vụ thích cái gì trang trọng. Vì thế, bản văn ngắn theo Luca có nhiều may mắn sát với ngôn từ gốc của Đức Giêsu⁴².

Bản văn dài Mátthêu thêm thắt chi tiết làm cắt đứt sự liên tục là yếu tố dị biệt của Kinh Lạy Cha, và thay đổi cấu tạo thể thức, như sự phân chia làm 7 lời xin làm cho cấu trúc và nội dung được hoàn hảo. Thế nhưng con số 7 không phù hợp với cấu trúc chung theo bản văn ngắn Luca. Mátthêu có những yếu tố không cùng loại⁴³.

Kinh nguyện trong các cộng đoàn Kitô hữu tiên khởi mang lời khẩn cầu ngắn như “Abba” (Lạy Cha !) theo như thư thánh Phaolô gửi tín hữu Rôma 8,15 và thư gửi tín hữu Galát 4,6 đều xác nhận như vậy. Trong khi đó chỉ một mình Mátthêu mang lời khẩn cầu trang trọng (Mátthêu 6,9b)⁴⁴.

Tóm lại, chính vì lý luận theo khuynh hướng lấy bản văn Luca gần như bản văn gốc dựa trên khác biệt về chiều dài của hai bản Mátthêu và Luca. Do đó có khuynh hướng thứ hai cũng dựa trên cùng lý luận, và cho rằng Mátthêu trung thành hơn với Luca :

- những lý luận thuận với văn bản Mátthêu, được dựa theo chung quanh một bản văn của thánh Augustinô ghi trong cuốn “*Enchiridion ad Laurentium*” : “*Theo thánh Luca 11,2-4, Kinh Lạy Cha thay vì có 7 thì chỉ có 5 lời xin. Thật ra không phải vì tác giả khác với Mátthêu : bản thu tóm của ông chỉ*

⁴⁰ Joachim Jérémias, Paroles de Jésus, Foi Vivante, trang 80.

⁴¹ Jean Carmignac, Recherches sur le Notre Père, sách đã dẫn, trang 396.

⁴² Han Van Den Bussche, Le Notre Père, sách đã dẫn, trang 13-18.

⁴³ Heinz Schurmann, La Prière du Seigneur, sách đã dẫn, trang 11-14.

⁴⁴ Joachim Jérémias, Paroles de Jésus, sách đã dẫn, trang 74-80.

định cho chúng ta làm cách nào nghe hiểu 7 thể thức của Mátthêu... Luca trung dẫn lời xin thứ ba theo Mátthêu chỉ là sự lặp lại hai lời xin trước và từ chỗ đó cho chúng ta hiểu hơn bằng cách loại đi... Những gì tác giả Tin mừng thứ nhất để ở phần cuối các lời “cứu chúng con khỏi quỷ dữ”, Luca không lấy lại, gọi cho chúng ta điểm này gắn liền với lời xin trước về “chước cám dỗ”⁴⁵.

- quy tắc chọn bản ngắn áp dụng cho phương pháp phê bình bản văn chứ không áp dụng cho trường hợp tác giả⁴⁶.

- việc áp dụng vào phụng vụ có thể thụ hứng bằng lối diễn tả dài dòng hay khai triển thêm như sách Didachè ghi lại Kinh Lạy Cha theo Mátthêu, và còn thêm “*Vinh Tụng Ca*” ở phần cuối, nhưng tự bản chất phụng vụ rất bảo thủ, như sự ổn định đáng chú ý của Kinh Lạy Cha từ thời các tông đồ cho đến ngày hôm nay. Phụng vụ có khuynh hướng thêm thắt hơn là sửa đổi, vì vậy nếu phụng vụ ảnh hưởng trên Mátthêu và Luca, thì chắc sẽ khai triển dài dòng hơn là rút bỏ những từ ngữ như “*ngự trên trời*”, và sẽ thêm lời xin “*ý Cha thể hiện dưới đất như trên trời*” sau lời xin về triều đại Thiên Chúa, cũng như sẽ không bao giờ chấm dứt bản kinh với lời ám chỉ về ảnh hưởng ma quỷ.

- những yếu tố Mátthêu có thêm điều mang âm hưởng Sêmit hay nền văn chương các Rabbi. Kinh Lạy Cha rất hài hòa, rất thơ và được cấu tạo đúng theo luật thơ Do thái cổ, vì thế không thể nào là công trình của phụ chú giải⁴⁷.

- lời khẩn cầu mở đầu Kinh Lạy Cha theo Mátthêu “*Lạy Cha chúng con Đấng ngự trên trời*” phản ánh môi trường Palestine, nhất là thánh sử Máccô dù không ghi lại Kinh Lạy Cha nhưng cũng biết từ này trong cùng một bối cảnh về cầu nguyện : “*Và khi đứng cầu nguyện, các người hãy tha thứ, giả như các người có gì bất bình với ai, ngõ hầu Cha các người, Đấng ngự trên trời, cũng tha thứ cho các người những điều các người sai lỗi*” (Máccô 11,25)⁴⁸.

Nói tóm lại cả hai khuynh hướng về vấn đề căn nguyên thủy đều có những lý luận đúng đắn và giá trị, nên không có khuynh hướng nào có thể áp đặt tuyệt đối. Từ đó một giải pháp trung dung thành hình như sau :

- dù Mátthêu có điểm thêm chi tiết hay Luca rút ngắn cũng không có gì quan trọng lắm. P. Zerwich viết rằng những gì Đức Giêsu giảng dạy, những gì Thần khí Người trao lại cho chúng ta như Lời Chúa, trước hết là “*tin thần*” và sau mới đến “*nghĩa đen*”, trước hết là “*nội dung*” sau mới là “*thể thức*”⁴⁹. Dầu vậy, phân tích văn chương chính xác đã làm nơi phần trên, có thể tạm kết luận Mátthêu đã dựng theo bản Kinh Lạy Cha từ nguồn gốc mang văn bản như sau :

Lạy Cha
Xin cho danh Cha hiển thánh
Xin triều đại Cha mau đến
Xin cho chúng con hôm nay bánh cần dùng
Xin tha nợ chúng con
Và đừng để chúng con sa chước cám dỗ.

Dù các nhà chú giải đi đến những văn bản gần bản gốc nhưng các tác giả viết nhập đề rất ý tứ và khiêm nhượng : Joachim Jérémias : « *Chúng tôi có thêm một lần nữa bản văn xem như cổ nhất : biên tập ngắn theo Luca nhưng ghi lại với công thức dị điểm của Mátthêu* » :

Lạy Cha yêu dấu
Xin danh Cha hiển thánh,
Xin triều đại Cha mau đến
Bánh ngày mai, xin cho chúng con ngày hôm nay
Và xin tha nợ chúng con như chúng con cũng vậy,
Nói những lời này, tha cho những kẻ nợ chúng con

⁴⁵ Saint Augustin, Enchiridion ad Laurentium, chương 30, số 11 trong Migne tome XL, cột 286; bản dịch J.Rivière, trang 135-137.

⁴⁶ Jean Carmignac, Recherches sur le Notre Père, sách đã dẫn, trang 23, bị chú 5. Các nhà chép lại thủ bản thường mang khuynh hướng loại bỏ một hoặc nhiều từ hơn là thêm vào ; vì những lỗi dễ làm hơn.

⁴⁷ Jean Carmignac, Recherches sur le Notre Père, sách đã dẫn, trang 345-360 và trang 383-386.

⁴⁸ Xavier Léon Dufour, Les Evangiles et l'histoire de Jésus, Paris 1963, trang 326-327.

⁴⁹ Pierre Bonnard, Jacques Dupont, François Refoulé, Notre Père qui es aux cieux, Paris 1986, trang 22.

Và đừng để chúng con rơi vào cám dỗ⁵⁰.

Dù hai văn bản trên chỉ là giả thuyết, nhưng cũng đã có những dị biệt văn chương. Vì thiếu những bằng chứng chính xác về văn chương với những lý luận không thể bác, nên công việc đi tìm bản kinh nguyên thủy thật khó khăn.

Suốt chương một và chương hai đã tìm phân tích Kinh Lạy Cha theo « nghĩa đen » hay « thể thức ». Chương kế tiếp sẽ chú trọng đến « tinh thần » và « nội dung » của bản kinh. Chương này sẽ giúp khám phá sứ điệp thiêng liêng và hệ trọng ở điểm Đức Giêsu đã để lại cho các môn đệ. Kinh Lạy Cha đã trải qua các thế hệ và qua bao thời đại, đã được giữ gìn cùng trung thành truyền lại với một lòng tin sâu sắc đến ngày nay.

⁵⁰ F.Mussner, *Traité sur les Juifs*, Paris 1981, trang 211-212.